

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2021/HS-ST
Ngày 06-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hoà.
2. Bà Trương Thị Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Điều Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 221/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 04 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 205/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 đối với:

- *Bị cáo:* Phạm Văn D (tên gọi khác: không), sinh năm 1981 tại tỉnh Kiên Giang; địa chỉ thường trú và cư trú: ấp T, xã H, huyện Tr, tỉnh Đ; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Ngày 09/01/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2020 (chưa được xóa án tích)

Tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 25/8/2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 495/2004/HSST;

- Ngày 26/6/2006 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 65/2006/HSST;

- Ngày 10/7/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 393/2012/HSST;

- Ngày 28/3/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 163/2014/HSST;

- Ngày 25/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 118/2015/HSST;

- Ngày 24/10/2019 bị Trưởng Công an huyện Trảng Bom xử phạt 1.500.000đồng về hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã nộp phạt).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 28/01/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hoà; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ 21, khu phố 8, phường L, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty tài chính TNHH MTV H; Địa chỉ: Tầng G, 8 và 10 Tòa nhà P, số 20 Ng, phường Th, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 07 giờ ngày 28/01/2021, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60H1 – 350.60 đi từ xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đến khu vực khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hoà với mục đích tìm ai có tài sản sơ hở để trộm cắp lấy tiền tiêu xài. Khi đi đến dãy nhà trọ tại địa chỉ số, tổ 21, khu phố 8, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, D dựng xe bên ngoài rồi đi vào bên trong dãy nhà trọ, khi đi ngang qua phòng số 8 của chị Trần Thị Thu H, sinh năm 2001, đăng ký hộ khẩu thường trú ấp C, xã H, huyện A, tỉnh K đang thuê trọ, D phát hiện cửa phòng trọ chỉ khép hờ nên đột nhập vào bên trong thì thấy chị H đang nằm ngủ trên gác và phát hiện có 01 (một) túi đựng tiền màu đỏ để trên hộp đựng trang điểm ở vị trí góc tường của phòng trọ nên D đi đến mở túi và lấy số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm

trăm nghìn đồng). Khi D chuẩn bị bỏ đi ra ngoài thì bị chị H phát hiện, bắt giữ D cùng tang vật giao công an phường Long Bình lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án:

- Số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Là tài sản của chị Trần Thị Thu H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi trả lại cho chị H

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60H – 350.60, màu đen xám, số máy JFHJF86E7000117, số khung RLHJF58390LZ000058 (đã qua sử dụng) là tài sản của bị cáo Phạm Văn D đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Về dân sự: Người bị hại là chị Trần Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác. (*Bút lục số: 19,20*)

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 241/CT-VKSBH ngày 06/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố Phạm Văn D về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173 và Điểm s Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

+ Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước xe mô tô mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

4. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- *Người bị hại chị Trần Thị Thu H trình bày trong hồ sơ vụ án:* Tài sản đã nhận lại nên không yêu cầu gì; về hình phạt của bị cáo đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH MTV H có văn bản trình bày:* Ngày 16/11/2020, khách hàng Phạm Văn D và Công ty ký hợp đồng tín dụng tiêu dùng số 4005973865 để mua xe máy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, số khung RLHJF58390LZ000058, tổng số tiền vay là 30.108.000đồng, trả trước 7.700.000đồng, trả góp hàng tháng 2.525.000đồng vào ngày 16 hàng tháng gồm 12 kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 16/12/2020. Khách hàng D đã thanh toán được 4/15 kỳ, giữa công ty và D không phát sinh

tranh chấp liên quan đến hợp đồng. Đối với khoản nợ của D, Công ty không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án; trường hợp có tranh chấp nào phát sinh thì Công ty sẽ yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ việc độc lập.

- *Lời nói sau cùng:* Bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

- Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại Trần Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty tài chính TNHH MTV H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên chị H đã được nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường, Công ty tài chính TNHH MTV H không có yêu cầu trong hồ sơ; các đương sự đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 28/01/2021, tại phòng trọ số 8 thuộc dãy nhà trọ tại địa chỉ số 10/21, tổ 21, khu phố 8, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, Phạm Văn D đã có hành vi trộm cắp số tiền 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Trần Thị Thu H thì D bị phát hiện bắt giữ.

- *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa

phương. Bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã bị Tòa án xử phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội.

- ***Về tội danh:*** Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Phạm Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản Cáo trạng số 241/CT-VKSBH ngày 06/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “trộm cắp tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- ***Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*** Ngày 09/01/2020 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/10/2020 (chưa được xóa án tích). Do đó, bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- ***Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*** Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc trường hợp được quy định tại điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Phạm Văn D để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Người bị hại chị Trần Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về vật chứng và các vấn đề khác có liên quan vụ án:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60H – 350.60, màu đen xám, số máy JFHJF86E7000117, số khung RLHJF58390LZ000058 (đã qua sử dụng) là tài sản của bị cáo Phạm Văn D đứng tên. Xe mô tô trên bị cáo mua trả góp, hiện còn nợ tiền Công ty tài chính TNHH

MTV H nhưng phía Công ty tài chính TNHH MTV H không tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho Công ty tài chính TNHH MTV H khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ Khoản 1, Điều 173; điểm s, Khoản 1, Điều 51; điểm h, Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn D** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2021.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, Khoản 1, Điều 46, điểm a, Khoản 1 điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60H – 350.60, màu đen xám, số máy JFHJF86E7000117, số khung RLHJF58390LZ000058 (đã qua sử dụng).

Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04 tháng 5 năm 2021.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

